

NGHỊ QUYẾT Về quy hoạch ngành đào tạo đến năm 2030

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam có sứ mệnh đào tạo cán bộ Đoàn, Hội, Đội và đội ngũ trí thức trẻ, giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong những năm qua, Học viện đã chủ động nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để mở các ngành đào tạo đại học mới, góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển đào tạo. Tuy nhiên, cơ cấu ngành đào tạo của Học viện hiện nay còn nhiều bất cập, số lượng ngành đào tạo còn ít, chưa được cập nhật kịp thời để thích ứng với sự phát triển nhanh của xã hội và sự phát triển của khoa học, công nghệ. Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện và đột phá phát triển giáo dục đại học, cùng với xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ được đặt ra hết sức cấp bách. Vẫn còn những hạn chế, bất cập giữa đào tạo và yêu cầu thực tiễn lao động xã hội, làm lãng phí nguồn lực, hạn chế cơ hội việc làm của sinh viên, giảm sức hút của Học viện.

Trước yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, việc quy hoạch ngành đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 là nhiệm vụ tất yếu, giúp cơ cấu lại các ngành hiện có, mà còn mở ra hướng phát triển các lĩnh vực mới, gắn với sứ mệnh chính trị của Học viện và nhu cầu xã hội. Nghị quyết là căn cứ quan trọng để Học viện nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục đại học và thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, phát huy nội lực, thu hút người học, và nâng cao uy tín học thuật. Việc ban hành Nghị quyết vừa đáp ứng yêu cầu phát triển ngắn hạn, vừa thực hiện tầm nhìn, chiến lược phát triển lâu dài. Vì vậy, Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành nghị quyết về quy hoạch ngành đào tạo đến năm 2030.

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Quy hoạch phát triển ngành đào tạo xuất phát từ sứ mệnh và chiến lược phát triển của Học viện, phù hợp bối cảnh đất nước tăng tốc phát triển và hội nhập quốc tế.

1.2. Quy hoạch ngành phải đáp ứng yêu cầu thời kỳ số: bám sát xu thế khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế tri thức; bảo đảm tính thích ứng, liên ngành.

1.3. Bảo đảm chất lượng, hiệu quả và bền vững: chuẩn đầu ra theo chuẩn quốc gia và từng bước tiếp cận chuẩn khu vực/quốc tế; phát huy thế mạnh đặc thù, nâng cao uy tín, thương hiệu và năng lực cạnh tranh của Học viện.

2. Mục tiêu

2.1. Giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo các ngành đặc thù như Công tác Thanh thiếu niên, Công tác xã hội, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước. Tăng cường mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức thanh niên trong và ngoài nước để cập nhật kịp thời nhu cầu nhân lực. Đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng yêu cầu của tổ chức Đoàn, Hội, Đội và các lĩnh vực xã hội khác.

2.2. Phát triển ngành đào tạo theo hướng liên ngành, hiện đại, thích ứng với công nghệ. Mở mới ít nhất 05 - 07 ngành đại học; phát triển các ngành đào tạo sau đại học trên cơ sở đào tạo đại học tại Học viện.

Tích hợp các học phần về công nghệ, quản trị số, kỹ năng số trong tất cả chương trình đào tạo hiện hành. Phát triển các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận tri thức và chuẩn mực toàn cầu.

2.3. Cơ cấu lại ngành đào tạo, ưu tiên ngành mũi nhọn và phù hợp năng lực, phát huy thế mạnh riêng của Học viện, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Xây dựng thương hiệu Học viện trở thành cơ sở đào tạo uy tín trong lĩnh vực công tác thanh thiếu niên góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Gắn quy hoạch ngành với sứ mệnh, tầm nhìn và nhu cầu xã hội

1.1. Chương trình đào tạo: Rà soát, cập nhật toàn bộ CTĐT/Trình độ hiện có theo chuẩn đầu ra gắn nhu cầu thực tiễn; chuẩn hóa ma trận chuẩn đầu ra – học phần – phương pháp đánh giá.

1.2. Hợp tác trong đào tạo: Thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên với các tổ chức thanh niên, cơ quan quản lý nhà nước về thanh niên và đối tác sử dụng lao động để dự báo nhu cầu, điều chỉnh cơ cấu ngành; xây dựng hội đồng tư vấn ngành nghề.

1.3. Người học: Khảo sát việc làm định kỳ; tăng thực tập, trải nghiệm thực tế trong tổ chức thanh niên và cộng đồng; mở rộng học phần dự án/khởi nghiệp xã hội.

2. Phát triển ngành theo hướng liên ngành, hiện đại, thích ứng công nghệ

2.1. Mở ngành mới: Triển khai hồ sơ mở ngành và xây dựng CTĐT cho các ngành dự kiến tại Phụ lục; bảo đảm điều kiện giảng viên, chương trình, cơ sở vật chất và liên kết thực hành.

2.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy: Áp dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) để tăng tính hiện đại và khả năng tự học của sinh viên.

2.3. Hợp tác quốc tế: Phát triển chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng/đồng hướng dẫn; trao đổi giảng viên – sinh viên; học phần giảng dạy bằng tiếng Anh ở các ngành mũi nhọn.

3. Bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tính bền vững

3.1. Kiểm định chất lượng: Thực hiện kiểm định và tái kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn quốc gia; từng bước tiếp cận chuẩn khu vực ASEAN.

3.2. Đội ngũ giảng viên: Đầu tư nâng cao trình độ giảng viên, phấn đấu 60–70% giảng viên có trình độ tiến sĩ vào năm 2030; khuyến khích, có cơ chế hỗ trợ công bố quốc tế.

3.3. Cơ sở vật chất: Từng bước hiện đại hóa phòng học, phòng thực hành, thư viện điện tử và trung tâm dữ liệu số để phục vụ đào tạo liên ngành.

3.4. Thương hiệu - tuyển sinh: Xây dựng hệ thống truyền thông chiến lược, quảng bá thương hiệu Học viện như một trung tâm đào tạo hàng đầu về công tác thanh thiếu niên và nguồn nhân lực xã hội trẻ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hội đồng Học viện

1.1. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển ngành đào tạo đến năm 2030.

1.2. Giám sát việc thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết và giám sát tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

1.3. Giao Thường trực Hội đồng Học viện rà soát, chỉnh sửa Nghị quyết khi điều kiện thực tiễn triển khai có thay đổi.

2. Trách nhiệm của Ban Giám đốc Học viện

2.1. Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Hội đồng Học viện về phát triển ngành đào tạo đến năm 2030. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng Học viện. Đồng thời, rà soát và ban hành hệ thống các văn bản liên quan đến cơ chế, chính sách cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế.

2.2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động Học viện có trách nhiệm và ý thức cao trong tham gia phát triển ngành đào tạo của Học viện.

2.3. Phân công đầu mối điều phối và cơ chế phối hợp liên đơn vị; áp dụng công cụ số để theo dõi KPI quy hoạch ngành. Tạo cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từng bước tương ứng với các cơ sở đào tạo uy tín. Tăng cường hỗ trợ, động viên, tạo điều kiện tối đa về môi trường làm việc và cơ chế đóng góp đối với đội ngũ giảng viên được công nhận Giáo sư, Phó Giáo sư của Học viện.

3. Trách nhiệm các đơn vị trực thuộc

Chủ động rà soát CTĐT; đề xuất mở ngành, điều chỉnh ngành; chuẩn bị điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định.

Tổ chức khảo sát việc làm, kết nối thực tập - việc làm; lưu trữ minh chứng phục vụ kiểm định.

Các thành viên Hội đồng Học viện có nhiệm vụ theo dõi, giúp Hội đồng Học viện giám sát việc thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư TWĐ (để b/c);
- Đ/c Bí thư TWĐ phụ trách Học viện (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Đảng ủy Học viện (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện (để thực hiện);
- Các thành viên HĐHV;
- Lưu: VT, HĐHV.

TM. HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN
CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Thái

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY HOẠCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐHV ngày 6 tháng 11 năm 2025)

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Trình độ, mã ngành		
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	X	X	9310202
2	Công tác xã hội	X	X	-
3	Luật	X	8380101	-
4	Tâm lý học	X	8310401	-
5	Quản lý Nhà nước	X	8340403 (Quản lý công)	-
6	Kinh tế	X	8310110 (Quản lý kinh tế)	-
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	-	-
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	-	-
9	Quản trị kinh doanh	7340101	-	-

Ghi chú:

X: Ngành đã đào tạo

-: Ngành chưa đào tạo

Ngành có mã số là ngành dự kiến mở đến 2030.